

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Sổ tay nghiệp vụ kiểm tra nội bộ ngành thuế
về công tác Xử phạt vi phạm hành chính về thuế**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

Căn cứ Quyết định số 115/2009/QĐ-TTg ngày 28/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 534/QĐ-TCT ngày 03/5/2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng Sổ tay nghiệp vụ kiểm tra nội bộ ngành thuế”;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kiểm tra nội bộ - Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

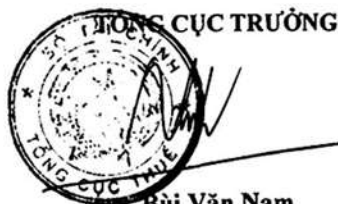
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Sổ tay nghiệp vụ kiểm tra nội bộ ngành thuế về công tác Xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

Điều 2. Thủ trưởng cơ quan thuế các cấp, Trưởng các bộ phận kiểm tra nội bộ thuộc cơ quan thuế các cấp triển khai, phổ biến nội dung Sổ tay đến công chức làm công tác kiểm tra nội bộ trong toàn đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Vụ trưởng Vụ Kiểm tra nội bộ, Chánh Văn phòng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s. *Sinh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Tổng cục Thuế;
- Cục Thuế các tỉnh, thành phố;
- Lưu VT, KTNB (2b)



SỔ TAY NGHIỆP VỤ

Kiểm tra nội bộ ngành Thuế về công tác Xử phạt vi phạm hành chính về thuế

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1444/QĐ-TCT ngày 04 tháng 11 năm 2015
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)*

LỜI NÓI ĐẦU

Công tác kiểm tra nội bộ ngành Thuế là hoạt động kiểm tra của cơ quan Thuế đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan Thuế cùng cấp và cơ quan Thuế cấp dưới trong việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ được giao nhằm phát hiện sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục; phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật; giúp thủ trưởng, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan Thuế các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật; phát huy nhân tố tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý thuế; quản lý nội bộ ngành; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Phương pháp kiểm tra chủ yếu được áp dụng trong hoạt động kiểm tra nội bộ ngành Thuế về công tác Xử phạt vi phạm hành chính về thuế là phương pháp kiểm tra, đối chiếu.

Tổng cục Thuế xây dựng: “**Sổ tay nghiệp vụ kiểm tra nội bộ ngành Thuế về công tác Xử phạt vi phạm hành chính về thuế**”, đây là tài liệu tham khảo trợ giúp công chức, viên chức làm công tác kiểm tra nội bộ trong quá trình thực hiện kiểm tra được thuận lợi, đảm bảo tính thống nhất, tính hiệu quả, tính kịp thời, đúng quy định của pháp luật và chỉ hỗ trợ người kiểm tra trong quá trình thực hiện tác nghiệp kiểm tra.

Trong quá trình kiểm tra nếu có sự thay đổi về chế độ, chính sách về Xử phạt vi phạm hành chính về thuế các công chức chủ động cập nhật, áp dụng cho phù hợp.

Tổng cục Thuế rất mong các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp ý kiến để tiếp tục bổ sung, hoàn thiện nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra nội bộ ngành.

TỔNG CỤC THUẾ

NỘI DUNG

KIỂM TRA NỘI BỘ NGÀNH THUẾ VỀ

CÔNG TÁC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH THUẾ

I. CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH KIỂM TRA

1. Thu thập văn bản

Công chức thực hiện kiểm tra cần thu thập văn bản quy phạm pháp luật, các quy định của ngành Thuế và các văn bản khác có liên quan đến thời kỳ kiểm tra và nội dung kiểm tra về công tác xử phạt vi phạm hành chính về thuế (*lập danh mục văn bản. Lưu ý: tập hợp kể cả các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung*).

2. Thu thập thông tin, số liệu

Để đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ chức năng quản lý xử phạt vi phạm hành chính thuế tại cơ quan Thuế các cấp, đoàn kiểm tra nội bộ căn cứ số liệu tổng hợp, hệ thống dữ liệu của ngành, các báo cáo, tài liệu tại cơ quan Thuế để tổng hợp, phân tích. Những nội dung, số liệu chủ yếu cần thu thập:

* Số liệu về bộ máy tổ chức của đơn vị được kiểm tra, các bộ phận được giao thực hiện xử phạt vi phạm hành chính về thuế, số lượng công chức thực hiện công tác xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

* Số liệu về kết quả xử lý vi phạm pháp luật về thuế:

- Đối với người nộp thuế:

+ Số lượng người nộp thuế (NNT) đơn vị đang quản lý.

+ Số lượng NNT vi phạm pháp luật về thuế, tỷ lệ % trên số lượng người nộp thuế đang quản lý.

+ Số lượng NNT đã bị xử phạt, số tiền phạt.

+ Số lượng NNT đã chấp hành QĐ xử phạt, số tiền đã nộp NSNN.

+ Số lượng NNT chưa chấp hành QĐ xử phạt, số tiền phạt còn nợ chưa nộp NSNN.

+ Số lượng NNT không xử phạt, số tiền phải xử phạt theo quy định. Nguyên nhân, lý do.

+ Số lượng NNT được miễn xử phạt, số tiền được miễn xử phạt theo quy định. Nguyên nhân, lý do.

+ Số lượt tờ khai chậm nộp, số lượng NNT chậm nộp tờ khai phải bị xử phạt, số tiền; số lượng NNT chậm nộp tờ khai đã xử phạt, số tiền; số lượng người nộp thuế chậm nộp tờ khai chưa xử phạt, số tiền.

+ Số lượng NNT đã bị xử phạt nhưng được đình chỉ thi hành Quyết định xử phạt (hoặc chỉ thi hành một phần Quyết định xử phạt), nguyên nhân, lý do đình chỉ.

+ Số lượng NNT đã bị xử phạt, quá thời hiệu thi hành Quyết định xử phạt nhưng chưa nộp NSNN. Nguyên nhân, lý do.

- Đối với ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức, cá nhân khác có liên quan:

+ Số lượng đối tượng đã bị xử phạt, số tiền phạt.

+ Số lượng đối tượng đã chấp hành QĐ xử phạt, số tiền đã nộp NSNN.

+ Số lượng đối tượng chưa chấp hành QĐ xử phạt, số tiền phạt còn nợ chưa nộp NSNN.

+ Số lượng đối tượng không xử phạt, số tiền phải xử phạt theo quy định. Nguyên nhân, lý do.

+ Số lượng đối tượng được miễn xử phạt, số tiền được miễn xử phạt theo quy định. Nguyên nhân, lý do.

- Đối với cơ quan Thuế, công chức thuế:

+ Kết quả (số liệu) về các trường hợp cơ quan Thuế đã xử lý bồi thường thiệt hại cho NNT do lỗi của cơ quan Thuế, công chức thuế, nguyên nhân và lý do.

.....

3. Chọn hồ sơ để tiến hành kiểm tra

3.1. Lựa chọn hồ sơ

- Trên cơ sở các số liệu, báo cáo đã thu thập, thực hiện phân tích, đánh giá để thực hiện lựa chọn hồ sơ kiểm tra.

- Danh sách lựa chọn cũng có thể lấy từ đề cương yêu cầu cơ quan Thuế được kiểm tra báo cáo.

Lưu ý: Số hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuế của các trường hợp có rủi ro cao (theo danh sách đã thu thập) phải được ưu tiên kiểm tra toàn bộ.

3.2. Số lượng hồ sơ chọn

- Số lượng hồ sơ chọn: Cân đối về thời gian, nhân sự của đoàn kiểm tra nội bộ để tiến hành lựa chọn số lượng hồ sơ nhưng phải đảm bảo được yêu cầu, hiệu quả của cuộc kiểm tra theo đề cương đã được phê duyệt.

- Toàn bộ số lượng hồ sơ đã chọn thì cần được kiểm tra hết (không bỏ sót).

3.3. Yêu cầu cung cấp hồ sơ

Đoàn kiểm tra sau khi lựa chọn các hồ sơ kiểm tra lập Phiếu yêu cầu cơ quan Thuế được kiểm tra cung cấp các hồ sơ đã chọn theo mẫu quy định (quy định hiện hành mẫu số 17/KTNB) tại Quy trình kiểm tra nội bộ ngành Thuế.

3.4. Giao nhận hồ sơ

Khi nhận thông tin (báo cáo, hồ sơ, tài liệu...) do cơ quan Thuế được kiểm tra cung cấp, Đoàn kiểm tra phải kiểm đếm, bảo quản, khai thác, sử dụng tài liệu đúng mục đích, không để thất lạc; khi giao nhận báo cáo, hồ sơ, tài liệu phải lập biên bản giao nhận (*quy định hiện hành mẫu số 18/KTNB kèm theo Quy trình KTNB*) và khi giao trả cũng phải lập biên bản giao trả (*quy định hiện hành mẫu số 19/KTNB kèm theo Quy trình KTNB*).

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong công tác xử lý vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại các quy định về xử lý vi phạm hành chính về thuế tại Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quản lý thuế; Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành. Kiểm tra công tác xử lý vi phạm hành chính về thuế tập trung chủ yếu vào các nội dung: Các hành vi vi phạm hành chính về thuế bị xử phạt vi phạm hành chính; thời hiệu xử phạt và thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế; những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về thuế; các mức xử phạt; các hình thức xử phạt vi phạm hành chính về thuế; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế; thủ tục xử phạt vi phạm hành chính (*chi tiết cụ thể dưới đây*).

1. Kiểm tra việc xác định các hành vi vi phạm hành chính về thuế bị xử phạt vi phạm hành chính

1.1. Đối với người nộp thuế

- Kiểm tra việc xác định hành vi vi phạm quy định về thủ tục thuế, bao gồm: Hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế so với thời hạn quy định; hành vi khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ khai thuế; hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế so với thời hạn quy định; hành vi vi phạm các quy định về cung cấp thông tin liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế; hành vi vi phạm trong việc chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

- Kiểm tra việc xác định hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số thuế được hoàn.

- Kiểm tra việc xác định hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

1.2. Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức, cá nhân khác có liên quan

- Kiểm tra việc xác định hành vi thông đồng, bao che người nộp thuế trốn thuế, gian lận thuế;

- Kiểm tra việc xác định hành vi không thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

- Kiểm tra việc xác định hành vi không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế; tài khoản của người nộp thuế nợ thuế tại tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước theo quy định của Luật Quản lý thuế.

2. Kiểm tra thời hiệu xử phạt và thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế

2.1. Kiểm tra thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế

- Kiểm tra thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế để xác định hành vi vi phạm thủ tục có trong thời hiệu xử phạt hay không? *(Theo quy định hiện hành đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế thì thời hiệu xử phạt là 02 năm, kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện đến ngày ra quyết định xử phạt. Ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thủ tục thuế là ngày kế tiếp ngày kết thúc thời hạn phải thực hiện thủ tục về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế).*

Đối với trường hợp làm thủ tục thuế bằng điện tử thì ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế là ngày kế tiếp ngày kết thúc thời hạn làm thủ tục thuế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Kiểm tra để xác định cơ quan Thuế xác định hành vi người nộp thuế khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm; hành vi trốn thuế, gian lận thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì thời hiệu xử phạt là 05 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm đến ngày ra quyết định xử phạt *(ngày thực hiện hành vi vi phạm là ngày tiếp theo ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế mà người nộp thuế thực hiện hành vi vi phạm):*

+ Kiểm tra thời điểm xác định hành vi khai sai đối với các trường hợp theo quy định của pháp luật cơ quan Thuế phải ra quyết định hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế thì thời điểm xác định hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm là ngày tiếp theo ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế.

+ Trường hợp kỳ tính thuế có hành vi vi phạm nếu được gia hạn nộp thuế thì thời hiệu xử phạt tính từ ngày kế tiếp ngày được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế đến ngày ra quyết định xử lý.

- Kiểm tra việc xử phạt đối với trường hợp hồ sơ do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển cho cơ quan Thuế có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế để xử lý theo quy định. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

- Kiểm tra việc xác định việc thực hiện xử phạt, theo quy định hiện hành trong thời hiệu quy định mà người nộp thuế cố tình trốn tránh, cản trở việc xử

phạt thì kiểm tra thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế được tính lại kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Kiểm tra để xác định ngày chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt là ngày người vi phạm tự giác đến cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt trình báo và nhận thực hiện các hình thức xử phạt của người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền phải lập biên bản ghi nhận việc này và lưu 01 bản vào hồ sơ vi phạm, 01 bản giao cho người vi phạm.

2.2. Kiểm tra để kết luận việc xác định thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế có đúng hay không

Theo quy định hiện hành cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo hình thức phạt tiền (*là ngày thực hiện xong các nghĩa vụ, yêu cầu ghi trong quyết định xử phạt hoặc từ ngày quyết định xử phạt được cưỡng chế thi hành*) hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đó.

3. Kiểm tra để kết luận những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định

3.1. Kiểm tra các trường hợp áp dụng không xử phạt vi phạm hành chính về thuế có đúng quy định hay không (*các trường hợp theo quy định tại Điều 11 Luật xử lý vi phạm hành chính*)?

3.2. Trường hợp khai sai, người nộp thuế đã khai bổ sung hồ sơ khai thuế và đã nộp đủ số tiền thuế phải nộp, trước thời điểm cơ quan Thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế hoặc trước thời điểm cơ quan Thuế phát hiện thông qua thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế hoặc trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện có hay không áp dụng không xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

4. Kiểm tra việc xác định các mức xử phạt có đúng theo quy định không

4.1. Kiểm tra việc xử phạt các hành vi vi phạm hành chính về thuế có đúng mức phạt theo quy định không? (*theo quy định hiện hành các mức xử phạt áp dụng đối với hành vi các hành vi vi phạm: Hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế so với thời hạn quy định; hành vi khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế; hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế so với thời hạn quy định; hành vi vi phạm các quy định về cung cấp thông tin liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế nhưng không thuộc trường hợp xác định là khai thiếu thuế, trốn thuế, gian lận về thuế; hành*

vi phạm quy định về chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính; hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn; hành vi trốn thuế, gian lận thuế).

4.2. Kiểm tra việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ có đúng theo quy định không? (quy định hiện hành tại Điều 9, Điều 10 Luật xử phạt vi phạm hành chính, trích dẫn tình tiết giảm nhẹ: Người vi phạm hành chính đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại; người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi; tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính; Vi phạm hành chính trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra; vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết; vi phạm hành chính do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần; người vi phạm hành chính là phụ nữ mang thai, người già yếu, người có bệnh hoặc khuyết tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; vi phạm hành chính vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra; vi phạm hành chính do trình độ lạc hậu; những tình tiết giảm nhẹ khác do Chính phủ quy định).

Tình tiết tăng nặng quy định: Vi phạm hành chính có tổ chức; vi phạm hành chính nhiều lần; tái phạm; xúi giục, lôi kéo, sử dụng người chưa thành niên vi phạm; ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần thực hiện hành vi vi phạm hành chính; sử dụng người biết rõ là đang bị tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi để vi phạm hành chính; lăng mạ, phỉ báng người đang thi hành công vụ; vi phạm hành chính có tính chất côn đồ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm hành chính; lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm hành chính; vi phạm trong thời gian đang chấp hành hình phạt của bản án hình sự hoặc đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính; tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó; sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính; vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn; vi phạm hành chính đối với nhiều người, trẻ em, người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai).

5. Kiểm tra để kết luận các hình thức xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định

5.1. Kiểm tra việc phạt cảnh cáo

Kiểm tra việc phạt cảnh cáo áp dụng đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo. Hình thức xử phạt cảnh cáo được quyết định bằng văn bản.

5.2. Kiểm tra việc phạt tiền

Việc xử phạt có áp dụng đúng mức quy định đối với từng trường hợp hay không:

- Đối với các hành vi vi phạm về thủ tục thuế (*quy định hiện hành: phạt theo số tiền tuyệt đối tối đa không quá 200 triệu đồng đối với NNT là tổ chức và tối đa không quá 100 triệu đồng đối với hộ gia đình, cá nhân*).

- Đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn: Việc xử phạt có đúng mức đối với từng trường hợp theo quy định không?

- Đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế (*quy định hiện hành: Phạt từ 1 đến 3 lần số tiền thuế trốn; mức phạt tiền đối với NNT là hộ gia đình, cá nhân bằng ½ mức phạt tiền đối với tổ chức*).

- Đối với tổ chức tín dụng không thực hiện trách nhiệm trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản Ngân sách Nhà nước đối với số tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt phải nộp của người nộp thuế theo Quyết định cưỡng chế của cơ quan Thuế (*quy định hiện hành: Mức phạt tiền tương ứng với số tiền không trích vào tài khoản của Ngân sách Nhà nước đối với trường hợp tại thời điểm đó, tài khoản tiền gửi của người nộp thuế có số dư đủ hoặc thừa so với số tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt mà người nộp thuế phải nộp theo Quyết định cưỡng chế của cơ quan Thuế*).

6. Kiểm tra để kết luận việc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định

6.1. Kiểm tra đối với trường hợp xử phạt vi phạm hành chính về thuế thuộc thẩm quyền của công chức thuế (*theo quy định hiện hành có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm về thủ tục thuế quy định*).

6.2. Kiểm tra đối với trường hợp xử phạt vi phạm hành chính về thuế thuộc thẩm quyền đội trưởng Đội Thuế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ (*theo quy định hiện hành có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm về thủ tục thuế quy định*).

6.3. Kiểm tra đối với trường hợp xử phạt vi phạm hành chính về thuế thuộc thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế trong phạm vi địa bàn quản lý của mình (*theo quy định hiện hành có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về thủ tục thuế theo quy định các hành vi vi phạm tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 15 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013; phạt tiền đối với hành vi vi phạm theo quy định các hành*

vi tại các Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định Khoản 3 Điều 12, Khoản 6 Điều 13 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013).

6.4. Kiểm tra đối với các trường hợp xử phạt vi phạm hành chính về thuế thuộc thẩm quyền Cục trưởng Cục Thuế trong phạm vi địa bàn quản lý của mình (theo quy định hiện hành có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 140.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về thủ tục thuế theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 15 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013; phạt tiền đối với hành vi vi phạm theo quy định tại các Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Khoản 3 Điều 12, Khoản 6 Điều 13 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013).

6.5. Kiểm tra đối với trường hợp xử phạt vi phạm hành chính về thuế thuộc thẩm quyền Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế (theo quy định hiện hành có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về thủ tục thuế theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 15 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013; phạt tiền đối với hành vi vi phạm theo quy định tại các Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013; áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 12, Khoản 6 Điều 13 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013).

6.6. Kiểm tra việc xác định trường hợp xử phạt vi phạm về thủ tục thuế đối với cá nhân có đúng quy định không (theo quy định hiện hành Thẩm quyền xử phạt vi phạm về thủ tục thuế của những người được quy định tại điểm 6.1, 6.2, 6.3, 6.4, 6.5 nêu trên áp dụng đối với một hành vi vi phạm của tổ chức; Trường hợp phạt tiền đối với cá nhân có hành vi vi phạm về thủ tục thuế thì thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân bằng $\frac{1}{2}$ thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức. Thẩm quyền xử phạt vi phạm đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế miễn, giảm; hành vi trốn thuế, gian lận thuế theo quy định tại Khoản 2 Điều 109 Luật quản lý thuế).

6.7. Kiểm tra văn bản (quyết định), trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền đối với trường hợp người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế tại điểm 6.2, 6.3, 6.4 và 6.5 nêu trên.

7. Kiểm tra để kết luận việc xác định thủ tục xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định

7.1. Kiểm tra để xác định việc buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính về thuế có đúng quy định hay không

Công chức thuế đang thi hành công vụ phát hiện tổ chức, cá nhân đang thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế thì có hay không buộc tổ chức, cá

nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm hành chính về thuế? (*buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính về thuế được thực hiện bằng lời nói, văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật*).

7.2. Kiểm tra để kết luận các trường hợp việc xác định xử phạt vi phạm hành chính về thuế bằng tiền đối với trường hợp không phải lập biên bản vi phạm hành chính về thuế theo quy định

- Xử phạt vi phạm hành chính về thuế không lập biên bản có hay không được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền (*phạt tiền tại chỗ đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức*) và người có thẩm quyền xử phạt có hay không ra quyết định xử phạt tại chỗ.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế tại chỗ có hay không ghi rõ: Ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định xử phạt; họ, tên, địa chỉ của cá nhân vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; chứng cứ và tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng. Trường hợp phạt tiền thì ghi rõ mức tiền phạt trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

7.3. Kiểm tra để kết luận biên bản xử phạt vi phạm hành chính có đúng quy định không

7.3.1. Kiểm tra trường hợp vi phạm hành chính có hay không lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính về thuế

- Kiểm tra để kết luận việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế người có thẩm quyền có hay không lập biên bản đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính về thuế (*trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 20 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013*).

- Kiểm tra việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế có lập biên bản phải được người có thẩm quyền xử phạt lập thành hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính (*hồ sơ bao gồm biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt hành chính, các tài liệu, giấy tờ có liên quan và phải được đánh dấu lục*).

Lưu ý: Trường hợp, người nộp thuế có hành vi vi phạm hành chính về thuế đã được cơ quan Thuế kiểm tra, thanh tra phát hiện, ghi nhận vào biên bản kiểm tra, thanh tra, kết luận thanh tra thì không phải lập biên bản trước khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt căn cứ biên bản thanh tra, kiểm tra, kết luận thanh tra thuế có ra quyết định xử phạt không.

7.3.2. Kiểm tra để kết luận biên bản vi phạm hành chính về thuế có đúng quy định không

- Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế có hay không lập biên bản theo đúng mẫu quy định (*trừ trường hợp xử phạt không phải lập biên bản theo quy định tại Điều 20 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013*) và chuyển kịp thời tới người có thẩm quyền xử phạt.

Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính về thuế trong cùng một vụ việc hoặc vi phạm nhiều lần thì biên bản xử phạt vi phạm hành chính về thuế phải thể hiện đầy đủ các hành vi vi phạm hoặc số lần vi phạm.

- Biên bản vi phạm hành chính về thuế có hay không ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm hành chính về thuế; lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc người đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ; quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình.

- Biên bản có hay không được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì có điểm chỉ hay không; nếu có người chứng kiến thì người chứng kiến có ký vào biên bản hay không; trong trường hợp biên bản gồm nhiều tờ thì người lập biên bản có ký vào từng tờ biên bản hay không? Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc không ký vào biên bản vi phạm hành chính về thuế hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở (*đại diện có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã*) nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến hay không. Trường hợp cá nhân, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến từ chối ký biên bản thì người lập biên bản có ghi rõ lý do vào biên bản hay không?

Biên bản vi phạm hành chính về thuế có được lập ít nhất thành 02 bản hay không. 01 bản có giao cho cá nhân hoặc tổ chức vi phạm hành chính về thuế; 01 bản làm căn cứ để ra quyết định xử phạt hay không? Trường hợp, vi phạm hành chính về thuế không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản có được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt hay không?

7.4. Kiểm tra để kết luận những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế và huỷ quyết định xử phạt theo quy định

7.4.1. Kiểm tra việc không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Việc không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế có đúng các trường hợp quy định hay không. Cụ thể:

- Kiểm tra để kết luận các trường hợp không ra quyết định xử phạt có đúng quy định hiện hành hay không (*quy định hiện hành tại Điều 5 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013*).

- Kiểm tra việc xác định được đối tượng vi phạm hành chính về thuế.

- Kiểm tra việc xác định trường hợp đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định (*quy định hiện hành tại Điều 4 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013*) hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định (*tại Điều 27 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013*) hay không?

- Kiểm tra việc xác định cá nhân vi phạm hành chính về thuế có đúng là đã chết, mất tích, tổ chức vi phạm hành chính đã có quyết định giải thể, quyết định tuyên bố phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt hay không.

- Kiểm tra việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định (*quy định hiện hành tại Điều 24 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013*) có hay không.

7.4.2. Kiểm tra việc hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Việc hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính có đúng các trường hợp quy định hay không. Cụ thể:

- Trường hợp người đã ra quyết định xử phạt không đúng thẩm quyền quy định.

- Quyết định xử phạt có thuộc các trường hợp quy định.

- Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng đã ra quyết định khởi tố vụ án theo quy định.

7.5. Kiểm tra để kết luận thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế có hay không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đúng thời hạn theo quy định. Cụ thể:

- Kiểm tra việc xác định đối với vụ việc đơn giản: Có ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định (*trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính về thuế*).

- Kiểm tra việc xác định đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp được giải trình theo quy định (*tại Điều 23 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013*) có ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính về thuế.

- Kiểm tra việc xác định đối với vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định (*tại Điều 23 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013*) mà người có thẩm quyền xử phạt xét thấy cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có hay không báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản đề xin gia hạn; việc gia hạn có bằng văn bản hay không; thời gian gia hạn có đúng quy định không quá 30 ngày hay không?

- Kiểm tra việc xác định đối với vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển hồ sơ vụ vi phạm để người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế ra quyết định xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt có thực hiện đúng thời hạn quy định (*tại Khoản 3 Điều 25 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013*).

7.6. Kiểm tra để kết luận hình thức Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định

- Kiểm tra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế có được thể hiện dưới hình thức văn bản không?

- Kiểm tra Quyết định xử phạt có hay không ghi rõ các nội dung theo mẫu quy định (*quy định hiện hành là mẫu số 02/QĐ Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 và mẫu số 20/KTTT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013*).

- Kiểm tra Quyết định xử phạt có hay không ghi thời hạn thi hành quyết định xử phạt đúng thời hạn quy định (*quy định hiện hành tại Điều 28 Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013*).

- Kiểm tra việc xác định trường hợp xử phạt đối với một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính, thì người có thẩm quyền có ra một quyết định xử phạt; trong đó có quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm hay không; nếu các hình thức xử phạt là phạt tiền thì có cộng lại thành mức phạt chung không?

8. Kiểm tra việc lập báo cáo và lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

- Kiểm tra việc chấp hành quy định về chế độ báo cáo: Kiểm tra các loại báo cáo đã lập, chưa lập, tính chính xác của số liệu tại báo cáo, thời hạn lập và gửi báo cáo có theo quy định hay không.

- Kiểm tra việc chấp hành quy định về lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

DANH MỤC VĂN BẢN THAM KHẢO

1. Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế.
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012.
3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
4. Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012.
5. Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.
6. Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Mục lục
SỔ TAY NGHIỆP VỤ
Kiểm tra nội bộ ngành Thuế về công tác
Xử phạt vi phạm hành chính về thuế

LỜI NÓI ĐẦU	1
NỘI DUNG.....	2
I. CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI TIẾN HÀNH KIỂM TRA.....	2
1. Thu thập văn bản.....	2
2. Thu thập thông tin, số liệu.....	2
3. Chọn hồ sơ để tiến hành kiểm tra.....	3
II. NỘI DUNG KIỂM TRA	4
1. Kiểm tra việc xác định các hành vi vi phạm hành chính về thuế bị xử phạt vi phạm hành chính	4
2. Kiểm tra thời hiệu xử phạt và thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế.....	5
3. Kiểm tra để kết luận những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.....	6
4. Kiểm tra việc xác định các mức xử phạt có đúng theo quy định không.....	6
5. Kiểm tra để kết luận các hình thức xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.....	7
6. Kiểm tra để kết luận việc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định	8
7. Kiểm tra để kết luận việc xác định thủ tục xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.....	9
8. Kiểm tra việc lập báo cáo và lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về thuế	13
DANH MỤC VĂN BẢN THAM KHẢO.....	14
Mục lục	15